

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 7

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 18 – 19/7/2024

Ngày cung cấp TT: 20/7/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống mở hé nhỏ.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Thượng lưu hồ tầng mặt, Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông), Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.**

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xả TN1 tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Cầu Ngàn Trươi.**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu trong xanh.	6.04	13.2	6.45	0.1	0.062	0.563	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy.	5.8	12.9	0	0.1	0.202	0.788	51	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy, nước trong xanh.	5.73	15.7	6.3	0.1	0.078	0.473	15	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn mức B.
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 95%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, cồng đóng. Nước trong xanh.	5.85	14.1	6.4	0.1	0.070	0.383	20	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn mức B.
5	Trước	Đánh giá chất lượng nước	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ	5.6	10.4	0	0.1	0.117	0.333	27	Giá trị pH, DO thấp do

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6						
<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5						
<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4						
<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	cửa xả TN1 tầng giữa	tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	<p>ảm 91%, mật độ mây 95%, gió ĐB 5 km/h.</p> <p>Không có dòng chảy, nước trong xanh.</p>								ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	<p>Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 95%, gió ĐB 5 km/h.</p> <p>Không có dòng chảy, nước màu trong xanh.</p>	5.98	9.9	0	0.1	0.287	0.659	57	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát	Đánh giá ảnh hưởng của khu nuôi cá đến chất lượng	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5	5.82	14.2	6.5	0.1	0.109	0.569	14	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	(Cách bến thuyền 700m)	nước hồ.	km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, có mùi tanh.								giới hạn mức B.
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước màu xanh, có mùi tanh.	6.01	14.5	6.37	0.1	0.093	0.878	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng	5.92	12.6	6.36	0.1	0.124	1.013	14	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.								
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng đục. Khu vực lấy mẫu gần nơi xây cầu qua kênh.	5.85	34.8	4.18	0.1	0.132	0.270	32	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn mức B.
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục	Trời nhiều mây, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h.	5.75	16.3	4.25	0.1	0.093	0.394	29	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		đích dân sinh.	Dòng chảy rất chậm. cống mở hé nhỏ. Nước màu vàng nhạt.								mức B.
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu mối.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 90%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp. nước màu vàng nhạt.	7.3	10	7.45	0.1	0.117	0.484	79	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h.	5.63	11.2	3.5	0.1	0.186	0.416	33	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Dòng chảy chậm, cống đóng, nước qua thủy điện xuống hạ lưu. Nước trong xanh, có váng dầu trên mặt nước.								mức B.
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 95%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, nước màu vàng.	6.9	29.9	7.12	0.1	0.078	0.482	33	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 92%, gió ĐB 5	6.72	36.2	6.16	0.1	0.249	0.405	33	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	máy gỗ MDF	nhận nước thải nhà máy gỗ.	km/h. Dòng chảy rất chậm. Nước màu vàng đục. Nước thải nhà máy gỗ chảy ra từ 2 cống với lưu lượng khoảng 1 lit/s.								hạn mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI